

Số: **399/2023/QĐST-HNGĐ**

*Bắc Từ Liêm, ngày 27 tháng 7 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyền số 01, đăng ký ngày 14/12/1999 của UBND xã E, huyện F, Thành phố Hà Nội (nay là phường E, quận G, Thành phố Hà Nội).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Trần Minh A, sinh năm 1975;

Nơi ĐKNKTT: Số 9 ngách 105/5 H, tổ dân phố L, phường E, quận G, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980;

Nơi ĐKNKTT: Số 9 ngách 105/5 H, tổ dân phố L, phường E, quận G, Thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/7/2023, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về tình cảm: Anh Trần Minh A và chị Nguyễn Thị B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Minh A và chị Nguyễn Thị B có 01 con chung là cháu Trần Phương C, sinh ngày 10/6/2000. Cháu C đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, sức khỏe bình thường.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Minh A và chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh A và chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Anh Trần Minh A và chị Nguyễn Thị B có 01 con chung là cháu Trần Phương C, sinh ngày 10/6/2000. Cháu C đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, sức khỏe bình thường nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không có.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Minh A và chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0044005 ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **THẨM PHÁN**

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội;
- UBND phường E, quận G1, TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Hữu Hòa**